Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long:

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

PGS.TS. Đinh Xuân Hạ

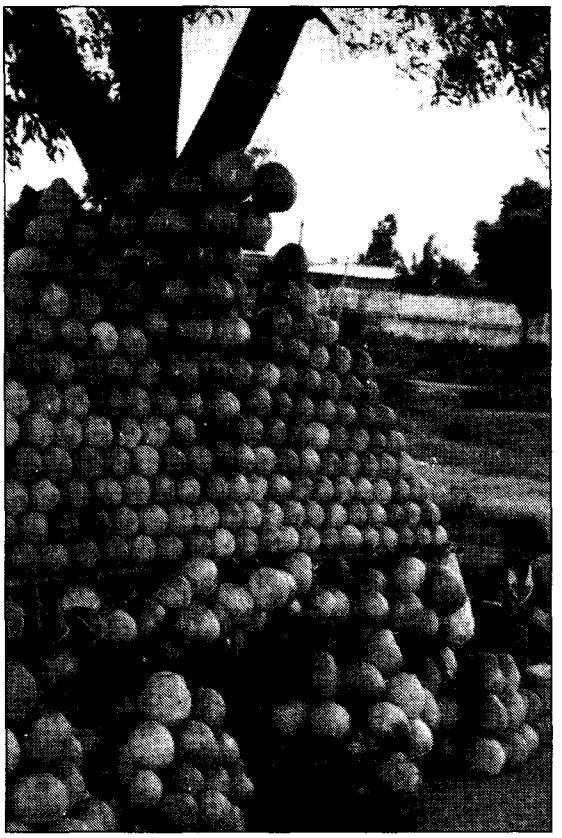

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với địa bàn của 12 tỉnh, diện tích tự nhiên gần 4 triệu ha. Trong những năm gần đây, được Chính phủ đánh giá là vùng kinh tế trọng điểm năng động, do có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT) mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá (CNH-HĐH) và hội nhập kinh tế quốc tế. Có được thành tựu to lớn đó là do sự tác động của nhiều nhân tố. Một trong những nhân tố quan trọng nhất là sự hỗ trợ về vốn của tín dụng ngân hàng (TDNH).

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

Bước đột phá của kinh tế nông nghiệp.

- Kinh tế thuỷ sản tăng mạnh, đặc biệt là hàng thủy sản xuất khẩu.

ĐBSCL đã chuyển hàng trăm ngàn ha đất trồng lúa 1 vụ, năng suất thấp sang nuôi trồng thuỷ sản, nâng tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản toàn vùng lên 534.000 ha, tỷ lệ hộ nuôi trồng thuỷ sản chiếm 7,5% so với tổng số hộ nông dân. Nhiều mô hình nuôi trồng thuỷ sản mở ra với quy mô lớn 1,2 triệu tấn, tạo nguồn nguyên liệu dồi dào cho chế biến xuất khẩu.

Giá trị thuỷ sản xuất khẩu toàn vùng tăng nhanh, bình quân hàng năm tăng 22,1%, năm 1996 đạt 307,4 triệu USD, năm 2001 đạt 867,6 triệu USD, năm 2003 đạt 720,4 triệu USD (giảm do vụ kiện cá tra, cá basa của Mỹ) và chiếm 51% giá trị xuất khẩu thuỷ sản của cả nước.

- Sản lượng, chất lượng lúa và gạo xuất khẩu tiếp tục tăng lên.

Các tỉnh trọng điểm lúa trong vùng rà soát lại diện tích trồng lúa có hiệu quả, năng suất cao, đầu tư thuỷ lợi nội đồng, tăng cường công tác khuyến nông, thâm canh sản xuất hai vụ ăn chắc. Theo đó, diện tích lúa toàn vùng giảm hơn 100.000 ha, nhưng sản lượng lúa vẫn có xu hướng tăng; năm 1995 đạt 12,8 triệu tấn, năm 1998 đạt 15,3 triệu tấn, năm 2000 đạt 16,7 triệu tấn và năm 2003 đạt trên 17,2 triệu tấn. Có được kết quả này chính là nhờ việc cải tạo giống và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng diện tích trồng lúa chất lượng cao với các loại giống mới lên hàng trăm ngàn ha. Đồng thời, cung ứng và xuất khẩu trên 3 triệu tấn gạo. Với kết quả đó, vùng ĐBSCL có sản lượng lúa chiếm 50%, gạo

xuất khẩu chiếm 90% của cả nước.

- Đối với phát triển cây ăn quả

Nhiều tỉnh đã khôi phục và hình thành những vùng chuyên canh, thâm canh cây ăn quả với những giống mới, năng suất, chất lượng cao hơn phục vụ tiêu dùng, chế biến xuất khẩu như: Xoài cát Hoà Lộc, bưởi Năm Roi, vú sữa, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, nhãn và một số loại cây ăn quả khác. Tổng sản lượng trái cây ở ĐBSCL năm 2003 đạt gần 2,5 triệu tấn.

- Phát triển tiềm năng chăn nuôi

Chăn nuôi cũng là một trong những thế mạnh của ĐBSCL. Nó đã từng bước phát triển và ngày càng đa dạng để cung cấp thịt trứng cho nội vùng, các vùng khác trong nước và xuất khẩu. Gia súc, gia cầm ở đây đang phát triển mạnh với nhiều trang trại, nhiều hộ gia đình chăn nuôi với quy mô lớn.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn dần được nâng cấp

Việc xây dựng hệ thống thuỷ lợi đã tạo điều kiện cho việc khai hoang thêm diện tích đất canh tác, tạo thuận lợi cho việc chuyển vụ, kiểm soát lũ, thoát lũ, giảm thiệt hại cho sản xuất.

Hệ thống trạm, trường được quan tâm đầu tư, hiện có 93,8% số xã có trạm y tế, xây dựng mới hơn 30.000 phòng học. Năm 2003 tỷ lệ dân được dùng nước sạch đạt 58%.

Tăng nhanh tỷ trọng kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch

- Hình thành nhiều dự án phát triển công nghiệp

Trong chuyển đổi cơ cấu, năm 2003 toàn vùng ĐBSCL đạt giá trị công nghiệp hơn 25.000 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2000, trong đó có 4 tỉnh đạt giá trị công nghiệp cao từ 3.000 đến 5.000 tỷ đồng là Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau và Long An.

Các tỉnh trong vùng đã có nhiều biện pháp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, trong đó chế biến thủy sản chiếm tỷ trọng khá lớn, tập trung ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang. Một số loại hình chế biến nông sản quy mô vừa và nhỏ đã thu hút được nhiều thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia đầu tư. Các tỉnh trong vùng tập trung cho việc quy hoạch và xây dựng các cụm, khu công nghiệp, khôi phục nhiều làng nghề truyền thống theo hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, thu hút vốn đầu tư của nhiều doanh nghiệp. Khu công nghiệp khí, điện, đạm Cà Mau với nguồn vốn đầu tư hơn 1,7 tỷ USD đang khẩn trương thi công.

- Đối với thương mại, dịch vụ và du lịch có tốc độ tăng trưởng cao.

Năm 2003 kim ngạch xuất khẩu hàng hoá vùng ĐBSCL đạt khoảng 2,1 tỷ USD, tăng 38% so với năm 2000, trong đó có tỉnh như Cà Mau đạt kim ngạch xuất khẩu gần 440 triệu USD, tăng gấp đôi so với năm 2000.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

- Mức độ quy hoạch tổng thể còn kém

Vấn đề này được thể hiện trên các mặt:

• Một số khu công nghiệp ở ĐBSCL đã được xây dựng cơ sở hạ tầng, nhưng để có các nhà máy lấp đầy mặt bằng lại là một thời gian dài dài. Nguyên nhân có nhiều, song các tỉnh đã thừa nhận là chính sách thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp chưa thật hấp dẫn. Đây là một yếu tố làm cho tỷ trọng GDP ngành công nghiệp ở ĐBSCL chưa cao.

• Tình trạng cung vượt cầu ở nhiều sản phẩm, sản xuất không gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ, đó là nguyên nhân gây ra thiệt hại đáng kể cho sản xuất nông nghiệp.

• Tình trạng chạy theo năng suất và sản lượng, chưa chú ý tới chất lượng, an toàn thực phẩm. Một số loại cây trồng, vật nuôi được đánh giá là có tiềm năng phát triển nhưng kết quả thu hoạch còn thấp.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế về mặt chất lượng chưa cao

• Mức độ đầu tư đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp, trang trại... ở ĐBSCL còn thấp, do vốn của các chủ thể kinh tế chưa đảm bảo cho việc này. Bởi vậy chưa thể coi đổi mới công nghệ là chìa khoá quan trọng để tăng năng suất và sản lượng kể cả ngành công nghiệp và nông nghiệp.

- Các dự án sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn còn ít, chủ yếu là quy mô nhỏ, lẻ.

Các chủ thể kinh tế ở ĐBSCL có quy mô vốn nhỏ nên ít có dự án đầu tư tầm cỡ, thể hiện "bộ mặt" cho khu vực, địa phương. Trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ nông dân nhỏ lẻ. Xu hướng tự phát, manh mún còn phổ biến, dẫn đến hiệu quả kinh

tế - xã hội không ổn định, kèm theo là hàng loạt các vấn đề môi sinh, môi trường không được xử lý.

- Hoạt động dịch vụ tuy có bước phát triển nhưng nhìn chung vẫn trong tình trạng lạc hậu và thấp kém.

Đời sống kinh tế - xã hội càng cao đòi hỏi tỷ trọng dịch vụ càng lớn. Sản xuất nông nghiệp càng phát triển đòi hỏi các dịch vụ đầu vào, đầu ra đa dạng và đầy đủ như: cây con giống, phân bón, thuốc trừ sâu, vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật...

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG CHO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - KẾT QUẢ VÀ NHỮNG TỒN TẠI

Những kết quả đạt được

- Mạng lưới các NHTM và TCTD phát triển nhanh chóng.

Đến cuối năm 2003, hệ thống các NHTM và TCTD trên địa bàn vùng ĐBSCL gồm có các chi nhánh của 5 NHTMNN, NHTMCP, NH liên doanh, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân... hoạt động trên cả 12 tỉnh. Trong đó NHNo và PTNT có chi nhánh liên xã, vươn tới từng hộ nông dân và lực lượng cung ứng vốn chủ lực.

- Thay đổi cơ cấu dư nợ cho vay theo thành phần kinh tế, thời hạn và ngành

Tỷ trọng cho vay ở vùng ĐBSCL xét theo thành phần kinh tế và thời hạn cho vay cũng đạt được mức tỷ trọng chung trong cả nước. Đó là:

• Tỷ trọng cho vay kinh tế quốc doanh năm 1991 là 90% và kinh tế ngoài quốc doanh là 10% thì đến năm 2003 tỷ trọng đó là 44,3% và 55,7%, trong khi đó vùng ĐBSCL chủ yếu là kinh tế ngoài quốc doanh. Riêng NHNo và PTNT cho vay kinh tế quốc doanh chỉ có 21%, còn kinh tế ngoài là 89%.

• Tỷ trọng dư nợ cho vay ngắn hạn là 85% và trung dài hạn là 15% năm 1991 thì đến năm 2003 đã thay đổi là 58% và 42%. Với sự thay đổi cơ cấu cho vay vốn như trên đã góp phần mở rộng sản xuất cải tiến kỹ thuật, mua sắm máy móc thiết bị, thực hiện các dự án đầu tư mới, phát triển kinh tế trang trại trong vùng.

• Hoạt động tín dụng đã dành phần vốn để cho vay phát huy tiềm năng và lợi thế của vùng ĐBSCL là phát triển nông nghiệp. Doanh số cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn của các NHTM từ chỗ chỉ chiếm khoảng 30-40% tổng doanh số cho vay đã tăng lên chiếm 60-70%, cho vay công nghiệp - xây dựng khoảng 23%, thương mại - dịch vụ 10%, còn lại là cho vay khác.

- Dư nợ cho vay phát triển kinh tế có xu hướng tăng

Theo số liệu điều tra vốn đầu tư xã hội năm 2003 của các vùng và trong cả nước, thì ở ĐBSCL có cơ cấu vốn NS 28,1%, vốn vay 23%, vốn tự có 41,2%... Vốn tín dụng đầu tư trong giai đoạn 1996 - 2000 là khoảng 3.000 tỷ đồng, trong đó vốn cho dân vay làm nhà theo Quyết định 256/TTg của Thủ tướng Chính phủ khoảng 700 tỷ đồng. Với tốc độ tăng trưởng tín dụng ngân hàng ở vùng ĐBSCL giai đoạn 2001 - 2003 là trên 20%/năm.

- Mở rộng cho vay cơ sở hạ tầng

Đến năm 2003, NHNo và PTNT đã cho vay vốn số tiền trên 800 tỷ đồng, đó là các chương trình: cho vay phát triển lưới điện sản xuất và sinh hoạt ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long, cho vay chương trình đầu tư sân phơi, giếng nước, đắp bờ ao chống lũ theo thôn kết hợp với đường giao thông nông thôn...

Những mặt tồn tại

- Khối lượng cung vốn TDNH chưa đủ mạnh và cơ cấu cho vay chưa hợp lý

Mức tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn 2001-2003 là 20%/năm, thấp hơn mức tăng trưởng dư nợ bình quân chung cả nước là 23%/năm, mức tăng trưởng đó là chưa đủ mạnh đối với vùng kinh tế năng động này. Hơn nữa cơ cấu cho vay thay đổi còn chậm, tỷ trọng cho vay vốn tín dụng ngắn hạn cao, vốn trung và dài hạn còn hạn chế. Vì vậy, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn nói chung và vay vốn trung và dài hạn cho các dự án xây dựng mới, cải tạo, đổi mới công nghệ... Và chủ trương đẩy mạnh phát triển hàng hoá theo chiều sâu, gắn với thị trường thông qua nguồn vốn TDND thực hiện chưa tốt.

- Vốn cho vay còn phân tán và kém hiệu quả

• Mức vốn cho vay của các NHTM trên địa bàn còn phân tán mà chưa tập trung cho các dự án lớn về cây trồng, vật nuôi có giá trị phục vụ cho xuất khẩu hoặc tiêu dùng trong nước.

• Chất lượng tín dụng chính sách rất thấp, thể hiện tỷ lệ nợ

quá hạn cao đối với các dự án: cho vay tôn nền, làm nhà trên cọc, cho vay khắc phục thiên tai, cho vay hộ nghèo... ở vùng ĐBSCL.

- Tồn tại về cơ chế TDNH

• Thủ tục cho vay chưa được đơn giản hoá.

• Việc quy định thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ ở nhiều khoản vay chưa phù hợp với chu kỳ cây trồng, vật nuôi đa dạng ở ĐBSCL.

• Các hình thức tín dụng ở ĐBSCL còn đơn điệu, phổ biến là cho vay trực tiếp theo món, theo từng lần còn hình thức cho thuê tài chính, cho vay bảo lãnh... chưa được áp dụng phổ biến.

Nguyên nhân của những tồn tại

- Nguồn vốn cho vay của các NHTM chưa đầy đủ

Do mức thu nhập của dân cư vùng ĐBSCL còn thấp, bên cạnh đó việc phân bổ dân cư thưa thớt nên công tác huy động vốn của NH gặp nhiều khó khăn. Nguồn vốn huy động để cho vay tại chỗ còn thiếu, nhất là vốn trung và dài hạn. Hơn nữa, việc điều chuyển vốn của NHTM Trung ương cho các chi nhánh ở ĐBSCL chưa kịp thời.

- Vốn tự có của DN, chủ thể kinh tế trong vùng còn nhỏ

Phần lớn các DN, chủ thể kinh tế ở ĐBSCL có vốn tự có ít, không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ vốn tự có tham gia vào các dự án theo quy định của NH cho vay. Hơn nữa năng lực kinh doanh và trình độ quản lý của một số DN còn hạn chế, khả năng cạnh tranh chưa cao. Vì vậy, mức độ rủi ro là rất lớn đã hạn chế nhiều đến quá trình mở rộng và tăng trưởng tín dụng cho các DN, chủ thể kinh tế để thay đổi cơ cấu đầu tư.

- Vướng mắc về tài sản thế chấp đảm bảo tiền vay

• Phần lớn các DN, chủ thể kinh tế không có tài sản thế chấp hoặc có thì ở mức rất thấp.

• Nhiều trường hợp tài sản đảm bảo tiền vay không có đủ giấy tờ pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng.

• Mức giá để xác định giá trị tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất theo quyết định của UBND các tỉnh ĐBSCL là thấp so với giá thị trường.

• Thủ tục xử lý tài sản đảm bảo tiền vay là đất đai, nhà cửa còn nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến thu hồi nợ của các NHTM.

- Trình độ, năng lực của cả hai bên tham gia giao dịch tín dụng còn hạn chế

• Cán bộ tín dụng của các NHTM trong vùng không ít cán bộ non kém về nghiệp vụ chuyên môn, quá tải trong quản lý khách hàng và món vay... đã hạn chế đến khả năng mở rộng quy mô tín dụng.

• Về phía khách hàng vay vốn phần lớn là hộ nông dân thiếu sự hiểu biết về chính sách tín dụng, năng lực hạch toán kinh tế... đã hạn chế đến khả năng hấp thụ vốn TDNH.

- Quỹ bảo lãnh tín dụng DN vừa và nhỏ chưa được thành lập và hoạt động.

Ngày 20/12/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 193/QĐ-TTg ban hành quy chế thành lập và tổ chức hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các DN vừa và nhỏ. Quỹ này là chỗ dựa cho các DN vay vốn của TCTD, là cơ hội có đủ vốn cần thiết. Đồng thời cũng tạo điều kiện cho TCTD mở rộng cho vay, đặc biệt là những nơi đang gặp khó khăn về tài sản thế chấp.

Định hướng đến năm 2010 và một số giải pháp tín dụng ngân hàng

Định hướng cơ bản

- Khai thác có hiệu quả các điều kiện thuận lợi về nguồn lực và lợi thế của vùng, phát triển công nghiệp nhanh với tốc độ tăng trưởng 19%/năm, để tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế, đến năm 2010 đạt 42-45%, góp phần đẩy nhanh tiến trình CDCCKT.

- Mở rộng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tập trung. Đầu tư mở rộng và chiều sâu để đổi mới thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ mới với những cơ sở công nghiệp hiện có.

- Tạo ra vùng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng chuyên canh, thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới gắn với cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thuỷ sản. Tăng tỷ trọng giá trị của ngành chăn nuôi, thuỷ sản và dịch vụ ngành nghề, giảm tỷ trọng giá trị của ngành trồng trọt.

- Đẩy mạnh sản xuất hàng nông sản xuất khẩu là những mặt hàng có thế mạnh ở ĐBSCL. Đặc biệt là gạo và hàng thuỷ sản giữ vững tỷ trọng giá trị xuất

khẩu của vùng so với cả nước.

Một số giải pháp tín dụng ngân hàng

- Tăng cường nguồn vốn của các NHTM

• Tiếp tục thực hiện và không ngừng cải tiến các giải pháp huy động vốn truyền thống của NH như: đa dạng hoá hình thức huy động vốn để huy động tối đa các nguồn vốn còn tiềm ẩn trong dân cư (dưới dạng: đồng Việt Nam, vàng, bất động sản); huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn; chủ động phát hành kỳ phiếu, trái phiếu NH; thu hút vốn nhàn rỗi từ nguồn thu của các DN.

• Điều chuyển vốn linh hoạt cho các chi nhánh ở ĐBSCL, khi các chi nhánh thiếu vốn.

• Chính phủ cho phép các NHTM phát hành trái phiếu NH trung và dài hạn.

- Chuyển dịch cơ cấu tín dụng

• Chuyển dịch cơ cấu đầu tư tín dụng trung và dài hạn.

Phát hành các loại chứng chỉ, trái phiếu trung và dài hạn, đồng thời mạnh dạn chuyển hoá một phần vốn ngắn hạn sang cho vay trung và dài hạn.

• Chuyển dịch cơ cấu đầu tư tín dụng theo nhóm ngành kinh tế.

Bên cạnh chú trọng đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ, hải sản, các NHTM ngày càng quan tâm nhiều hơn vào khu vực nông nghiệp, góp phần xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều hàng hoá cho xã hội.

• Chuyển dịch cơ cấu đầu tư tín dụng theo thành phần kinh tế.

Cùng với việc tiếp tục cho vay các DNNN, các NHTM cần đẩy mạnh cho vay kinh tế ngoài quốc doanh. Đặc biệt là từ khi Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khoá IX được ban hành, các NHTM cần tập trung cho vay nhiều hơn đối với kinh tế tư nhân, để thay đổi được cơ cấu cho vay đối với các thành phần kinh tế.

- Mở rộng đối tượng cho vay và phát triển khách hàng của vùng ĐBSCL

• Trong thời gian qua, các TCTD đã chú ý cho vay mua sắm tư liệu sản xuất (Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu...) phù hợp với từng ngành nghề sản xuất kinh doanh. Với những đối tượng cho vay cụ thể đó đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhất định. Cần xác định đối tượng cho vay là các phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư. Đối với vùng ĐBSCL, các NHTM cần tập trung cho vay các đối tượng sau:

+ Đầu tư phát triển các loại cây trồng vật nuôi có khả năng cạnh tranh để tăng khối lượng hàng hoá, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

+ Đầu tư phát triển ngành công nghiệp và chú trọng đến phát triển các làng nghề.

+ Đầu tư vào những dự án ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, đổi mới công nghệ thay thế những máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu.

+ Đầu tư vốn trung và dài hạn cho các dự án có tính hiệu quả và tính khả thi cao như: trồng cây ăn quả, trang bị phương tiện đánh bắt cá xa bờ...

• Ngoài việc mở rộng cho vay những khách hàng truyền thống, Các TCTD cần tiếp cận với những doanh nghiệp mới thành lập và có triển vọng trong kinh doanh như các công ty cổ phần, công ty TNHH, DN tư nhân, đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển kinh tế trang trại. Đây là loại hình kinh tế mới đang có nhiều tiềm năng phát triển ở ĐBSCL.

- Mở rộng tài trợ cho DN, chủ thể kinh tế ở ĐBSCL dưới hình thức cho thuê tài chính

- DN không có hoặc có tài sản thế chấp, cầm cố ít vẫn thuê được tài sản để sử dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tiền thuê được trả dần theo nhiều năm, do đó không gây khó khăn tài chính cho DN đi thuê.

- DN có điều kiện sử dụng máy móc, thiết bị đảm bảo kỹ thuật tiên tiến và công nghệ mới cho sản xuất kinh doanh để tạo ra sản phẩm mới đủ tiêu chuẩn cạnh tranh trên thị trường.

- Đối với NHTM là một hình thức đầu tư ít rủi ro. Vì tài sản cho thuê vẫn thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của NH.

- Tăng mức cho vay tín chấp đối với kinh tế trang trại.

• Theo quy định trong Quyết định 423/2000/QĐ - NHNN1 về chính sách tín dụng đối với kinh tế trang trại thì mức vay vốn tín chấp với trang trại thông thường là 20 triệu đồng, đối với trang trại sản xuất giống thuỷ sản là 50 triệu đồng. Với mức đó là quá thấp so với nhu cầu cần vay, do vậy cần sửa đổi bổ sung Quyết định 423 là nâng mức cho vay tín chấp lên cho phù hợp với sự phát triển mới của loại hình

kinh tế này.

• Xây dựng các tiêu chí xác định các hộ là trang trại và hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các trang trại đủ điều kiện vay vốn tín dụng ngân hàng.

- Triển khai thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các tỉnh, thành phố và điều chỉnh mức bảo lãnh tín dụng tăng lên

• Với tiện ích của Quỹ bảo lãnh tín dụng là rất lớn cho các doanh nghiệp ở ĐBSCL, đặc biệt là trang trại. Bởi vậy, các tỉnh trong vùng khẩn trương thành lập và đưa Quỹ vào hoạt động, để các khách hàng có điều kiện thuận lợi vay được nhiều vốn NH.

• Về mức bảo lãnh tín dụng chỉ quy định cấp bảo lãnh tối đa bằng 80% phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng tại NHTM. Với mức đó dẫn tới tình trạng hoặc là khách hàng không thực hiện dự án đầu tư hoặc là phải tìm các biện pháp đảm bảo tiền vay khác, ảnh hưởng đến chi phí và cơ hội kinh doanh. Nên chăng, Quỹ bảo lãnh tín dụng cấp bảo lãnh tín dụng cho phần chênh lệch giữa tổng giá trị khoản vay và phần khoản vay đã được bảo đảm bằng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại TCTD./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo Pháp luật ngày 13/2/2003

2. Thời báo Tài chính ngày 24 tháng 12 năm 2003

3. Báo Đầu tư ngày 16/7/2004

4. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 7/2003 và số 6/2004

5. Tạp chí Tài chính số 3/2003

6. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán số 4/2004

7. PGS. TS. Đinh Xuân Hạ - Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: "Hoàn thiện cơ chế tài chính nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2004".

Tổng kết hoạt động công đoàn năm học 2003 - 2004

Ngày 6/12/2004, Học viện Tài chính đã tổ chức tổng kết hoạt động công đoàn năm học 2003-2004. Đến dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Dương Đức Minh, Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Bộ Tài chính, đồng chí Ngô Thế Chi Bí thư Đảng ủy Học viện. Tại hội nghị đồng chí Nguyễn Huy Thịnh Chủ tịch Công đoàn Học viện đã báo cáo tổng kết đánh giá tình hình hoạt động của Công đoàn trong năm 2003 - 2004, nêu lên những thành tích nổi bật:

+ Năm 2003, công đoàn học viện đã đạt tập thể vững mạnh xuất sắc, được tặng cờ Công đoàn Viên chức Việt Nam; có 5 cán bộ công đoàn xuất sắc được Công đoàn Viên chức Việt Nam tặng bằng khen và 31 cán bộ công đoàn xuất sắc được công đoàn Bộ Tài chính tặng giấy khen.

+ Năm 2003 - 2004 có 22 Công đoàn bộ phận đạt tập thể Công đoàn vững mạnh, 136 cán bộ và 332 Đoàn viên Công đoàn xuất sắc.

Song song với các phong trào thi đua như: đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy; cải tiến nội dung và phương pháp trong lĩnh vực quản lý, phục vụ... thì Công đoàn không ngừng chăm lo đời sống và giải quyết kịp thời những quyền lợi chính đáng cho cán bộ công chức như thăm hỏi tặng quà khi ốm đau, khen thưởng cho con em cán bộ công chức có thành tích học tập tốt; tổ chức thăm quan du lịch; tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trong các dịp lễ tết...

Hoạt động từ thiện cũng được cán bộ công đoàn nhiệt liệt hưởng ứng. Trong năm qua Công đoàn Học viện đã ủng hộ các quỹ: đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, Bảo trợ trẻ em Việt Nam, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam... gần 100 triệu đồng.

Phát biểu trước hội nghị đồng chí Dương Đức Minh Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Bộ Tài chính, đồng chí Ngô Thế Chi Bí thư Đảng ủy Học viện chỉ đạo Công đoàn học viện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các cấp, ngành trong học viện, nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong giảng dạy - nghiên cứu phục vụ.

Ngoài ra hội nghị cũng chỉ ra một số tồn tại cần khắc phục và những định hướng cho năm học 2004 - 2005./.

P.V